

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 24

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		6,402,591,673,525	6,593,326,480,620
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	287,460,378,455	117,595,429,206
1	Tiền	111		287,460,378,455	117,595,429,206
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3,063,937,884,605	3,149,216,833,594
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	5,773,214,858	514,695,503,218
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122	V.2a	-	(137,506,487,068)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3,058,164,669,747	2,772,027,817,444
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,043,253,350,704	930,074,093,763
1	Phải thu khách hàng	131		539,697,863,386	608,316,325,735
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	V.3	539,697,863,386	608,316,325,735
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	-
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	287,252,725,019	86,119,412,655
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Các khoản phải thu khác	136	V.5	298,076,477,137	280,850,485,344
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(81,773,714,838)	(45,212,129,971)
IV	Hàng tồn kho	140	V.7	2,025,501,719	14,675,443,109
1	Hàng tồn kho	141		2,025,501,719	14,675,443,109
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		590,306,776,487	398,369,819,948
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	589,094,601,880	392,546,075,678
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	V.8a	404,685,384,015	392,345,860,078
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		184,409,217,865	200,215,600
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		633,003,952	5,360,569,105
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	579,170,655	463,175,165
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,415,607,781,555	1,983,394,861,000
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	V.18a	894,506,709,760	1,373,748,583,697
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	V.18a	521,101,071,795	609,646,277,303

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,352,808,405,679	943,266,793,833
I Các khoản phải thu dài hạn		210		17,491,728,901	22,348,255,844
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc'		213		-	-
4 Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác		216		17,491,728,901	22,348,255,844
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		8,200,000,000	10,280,000,000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		9,291,728,901	12,068,255,844
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		219		-	-
II Tài sản cố định		220		95,639,457,688	79,202,700,302
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	80,843,357,432	70,878,065,174
Nguyên giá		222		180,612,901,678	160,348,955,093
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(99,769,544,246)	(89,470,889,919)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình		227	V.11	14,796,100,256	8,324,635,128
Nguyên giá		228		27,342,062,486	18,510,592,486
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(12,545,962,230)	(10,185,957,358)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230		-	-
III Bất động sản đầu tư		230	V.12	106,930,921,100	134,269,251,437
Nguyên giá		231		121,103,326,188	145,709,389,296
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(14,172,405,088)	(11,440,137,859)
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		16,289,922,329	10,956,459,398
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.13	16,289,922,329	10,956,459,398
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		1,077,305,704,995	664,206,971,811
1 Đầu tư vào công ty con		251	V.2b	88,200,000,000	119,700,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.2b	34,444,900,000	34,444,900,000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.2b	30,129,400,000	96,373,299,985
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254	V.2c	(38,468,595,005)	(49,148,780,635)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	V.2a	963,000,000,000	462,837,552,461
VI Tài sản dài hạn khác		260		39,150,670,666	32,283,155,041
1 Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	39,150,670,666	32,283,155,041
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		7,755,400,079,204	7,536,593,274,453

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		5,748,743,579,015	5,687,729,188,318
I	Nợ ngắn hạn	310		5,746,265,886,604	5,686,408,522,732
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	471,164,423,125	526,856,363,235
1.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		441,142,327,386	500,572,000,572
1.2	Phải trả khác cho người bán	311.2		30,022,095,739	26,284,362,663
2	Người mua trả tiền trước	312	V.15	5,164,869,408	6,605,563,922
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	64,309,327,318	49,831,648,649
4	Phải trả người lao động	314		199,575,660,954	60,778,961,612
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12,583,962,830	13,249,275,558
6	Phải trả nội bộ	316			
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		167,917,724,858	118,777,075,565
7	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		353,349,655,026	293,161,262,536
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	104,701,238,035	96,269,273,512
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	95,000,000,000
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13	Dự phòng nghiệp vụ	329	V.18	4,367,499,025,050	4,425,879,098,143
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	V.18a	3,126,000,519,298	3,160,260,976,999
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	V.18a	1,198,997,273,937	1,161,842,936,713
13.3	Dự phòng giao động lớn	329.3	V.18b	42,501,231,815	103,775,184,431
II	Nợ dài hạn	330		2,477,692,411	1,320,665,586
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	2,477,692,411	1,320,665,586
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	2,006,656,500,189	1,848,864,086,135
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.20 2,006,656,500,189	1,848,864,086,135
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4	Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	23,517,729,849	22,414,190,857
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	55,402,458,511	55,402,458,511
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	295,836,169,025	139,147,293,963
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	53,233,890,004	34,311,089,759
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	242,602,279,021	104,836,204,204
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	7,755,400,079,204	7,536,593,274,453

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
2 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		262,310,608,480	207,619,235,541
3 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		106,787.03	347,266.52
Euro (EUR)		31,491.51	28,156.27
Bảng Anh (£)		321.53	328.03

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phạm Hồng Tiến

Cao Thu Hiền

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị: đồng)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV.2020	Quý IV.2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1,342,138,104,309	1,298,198,132,199	4,733,858,851,453	4,310,237,987,970
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	14,961,408,213	18,827,276,453	22,393,677,301	30,856,584,213
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	58,411,948,490	59,841,209,813	188,795,999,647	188,707,907,282
4. Thu nhập khác	13	1,443,532,423	1,616,949,725	4,516,035,529	2,664,187,726
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1,155,081,457,950	1,110,922,851,541	4,033,922,427,915	3,635,150,320,660
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	10,243,736,179	8,053,255,348	13,588,065,910	14,090,977,378
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	(2,648,528,562)	27,351,667,092	15,532,667,960	131,625,050,421
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	168,185,042,839	158,126,235,485	584,376,978,164	616,047,665,382
9. Chi phí khác	24	333,454,293	246,815,034	1,012,716,522	1,941,029,717
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50	85,759,830,736	73,782,743,690	301,131,707,459	133,611,623,633
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16,034,788,281	13,042,385,119	58,529,428,438	23,257,724,471
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	69,725,042,455	60,740,358,570	242,602,279,021	110,353,899,161
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				
	VI.5				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

(Đơn vị: VND)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2020		Quý IV.2019		Đơn vị tính: VND	
			Quý IV.2020		Quý IV.2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	VL.1	1,743,139,638,711	1,373,658,010,056	1,373,658,010,056	1,373,658,010,056	6,079,206,983,747	4,785,978,449,323
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,634,170,577,764	1,506,463,798,994	1,506,463,798,994	1,506,463,798,994	5,958,636,287,715	5,692,726,345,390
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		22,532,970,080	43,443,473,762	43,443,473,762	43,443,473,762	86,310,238,331	108,920,975,323
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(86,436,090,867)	176,249,262,700	176,249,262,700	176,249,262,700	(34,260,457,701)	1,015,668,871,390
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		657,087,540,540	510,877,235,851	510,877,235,851	510,877,235,851	2,122,439,427,260	1,598,946,590,984
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		426,536,522,898	585,384,218,627	585,384,218,627	585,384,218,627	1,643,197,553,323	2,240,217,554,853
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(230,551,017,642)	74,506,982,776	74,506,982,776	74,506,982,776	(479,241,873,937)	641,270,963,869
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1,086,052,098,171	862,780,774,205	862,780,774,205	862,780,774,205	3,956,767,556,487	3,187,031,858,339
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		256,086,006,138	435,417,357,994	435,417,357,994	435,417,357,994	777,091,294,966	1,123,206,129,631
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		161,112,172,877	104,031,739,698	104,031,739,698	104,031,739,698	536,817,743,351	381,272,476,367
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		94,973,833,261	331,385,618,296	331,385,618,296	331,385,618,296	240,273,551,615	741,933,653,264
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		1,342,138,104,309	1,298,198,132,199	1,298,198,132,199	1,298,198,132,199	4,733,858,851,453	4,310,237,987,970
6. Chi bồi thường	11		486,761,606,800	551,539,402,371	551,539,402,371	551,539,402,371	2,047,891,329,348	2,038,496,004,596
- Tổng chi bồi thường	11.1		492,067,870,638	557,665,223,610	557,665,223,610	557,665,223,610	2,065,181,358,646	2,058,402,239,394
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		5,306,263,838	6,125,821,239	6,125,821,239	6,125,821,239	17,290,029,298	19,906,234,798
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		139,142,524,815	215,028,882,600	215,028,882,600	215,028,882,600	532,380,584,002	589,960,692,386

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2020	Quý IV.2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		201,677,289,280	265,258,880,986	90,240,105,157	264,927,185,800
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		85,359,943,254	218,257,176,539	(35,459,437,575)	262,220,317,806
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		463,936,428,011	383,512,224,218	1,641,210,288,078	1,451,242,180,204
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		12,301,670,249	9,645,230,542	44,017,489,727	35,614,297,659
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		678,843,359,690	717,765,396,781	2,348,694,650,110	2,148,293,842,797
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		184,158,060,230	168,470,515,718	669,529,954,571	514,028,551,706
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		494,685,299,460	549,294,881,063	1,679,164,695,539	1,634,265,291,091
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		1,155,081,457,950	1,110,922,851,541	4,033,922,427,915	3,635,150,320,660
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		187,056,646,359	187,275,280,658	699,936,423,538	675,087,667,310
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		14,961,408,213	18,827,276,453	22,393,677,301	30,856,584,213
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		10,243,736,179	8,053,255,348	13,588,065,910	14,090,977,378
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		4,717,672,034	10,774,021,105	8,805,611,391	16,765,606,835
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.2	58,411,948,490	59,841,209,813	188,795,999,647	188,707,907,282
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.3	(2,648,528,562)	27,351,667,092	15,532,667,960	131,625,050,421
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		61,060,477,052	32,489,542,721	173,263,331,687	57,082,856,861
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	168,185,042,839	158,126,235,485	584,376,978,164	616,047,665,382
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		84,649,752,606	72,412,608,999	297,628,388,452	132,888,465,624

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2020	Quý IV.2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
23. Thu nhập khác	31		1,443,532,423	1,616,949,725	4,516,035,529	2,664,187,726
24. Chi phí khác	32		333,454,293	246,815,034	1,012,716,522	1,941,029,717
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,110,078,130	1,370,134,691	3,503,319,007	723,158,009
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85,759,830,736	73,782,743,690	301,131,707,459	133,611,623,633
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		16,034,788,281	13,042,385,119	58,529,428,438	23,257,724,471
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
29. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)	60		69,725,042,455	60,740,358,571	242,602,279,021	110,353,899,162
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5				

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		301,131,707,459	133,611,623,633
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15,390,926,428	19,021,601,274
- Các khoản dự phòng	03		397,781,918,521	418,484,762,377
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(158,114,482,321)	(274,610,368,321)
- Chi phí lãi vay	06		7,012,210,476	8,233,306,808
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		563,202,280,563	304,740,925,771
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(126,177,692,198)	5,016,009,671
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12,649,941,390	(11,724,783,153)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		101,280,630,405	230,333,654,968
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(202,398,551,411)	(155,964,254,555)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		508,922,288,360	84,813,165,600
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,012,210,476)	(8,233,306,808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(47,100,334,887)	(137,189,549)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1,157,026,825	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(53,487,833)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		804,469,890,738	448,844,221,945
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9,822,816,408)	(56,872,295,892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,906,978,179,067)	(2,140,235,821,477)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,120,678,879,225	1,651,815,835,742
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		97,743,899,985	63,890,777,700
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		143,055,426,734	197,173,885,805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(555,322,789,531)	(267,490,429,759)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		268,700,000,000	341,067,517,531
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(268,700,000,000)	(461,927,847,133)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(79,282,151,958)	(65,345,652,032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(79,282,151,958)	(186,205,981,634)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		169,864,949,249	(4,852,189,448)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	117,595,429,206	122,447,618,654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	287,460,378,455	117,595,429,206

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Tiến



Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
6. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Tổng Công ty có 2.429 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.255 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6,266,355,564	7,032,887,325
Tiền gửi ngân hàng	263,902,868,891	107,306,961,881
Tiền đang chuyển	17,291,154,000	3,255,580,000
Cộng	287,460,378,455	117,595,429,206

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	5,773,214,858	5,773,214,858	514,695,503,218	377,189,016,150
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,021,164,669,747	4,013,820,669,747	3,234,865,369,905	3,227,521,369,905
<i>Ngắn hạn</i>	3,058,164,669,747	3,058,164,669,747	2,772,027,817,444	2,772,027,817,444
Tiền gửi có kỳ hạn	2,958,164,669,747	2,958,164,669,747	2,667,193,517,444	2,667,193,517,444
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	-	-	4,834,300,000	4,834,300,000
Đầu tư trái phiếu	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
<i>Dài hạn</i>	963,000,000,000	955,656,000,000	462,837,552,461	455,493,552,461
Tiền gửi có kỳ hạn	755,000,000,000	755,000,000,000	341,924,109,589	341,924,109,589
Đầu tư trái phiếu	200,000,000,000	200,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	-	-	12,913,442,872	12,913,442,872
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8,000,000,000	656,000,000	8,000,000,000	656,000,000
Cộng	4,026,937,884,605	4,019,593,884,605	3,749,560,873,123	3,604,710,386,055

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	137,506,487,068	76,375,920,784
Trích lập dự phòng bổ sung	561,024,586	77,924,924,703
Hoàn nhập dự phòng	(138,067,511,654)	(16,794,358,419)
Số cuối kỳ	-	137,506,487,068

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	88,200,000,000	19,531,577,307	119,700,000,000	1,406,209,451
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	-	11,700,000,000	1,406,209,451
Công ty IBS Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	19,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	88,200,000,000	19,531,577,307	88,200,000,000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	34,444,900,000	7,123,577,766	34,444,900,000	-
Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	20,152,200,000	7,123,577,766	20,152,200,000	-
Công ty Cổ phần Kasati	14,292,700,000	-	14,292,700,000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,129,400,000	4,469,439,932	96,373,299,985	40,398,571,184
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	4,469,439,932	15,000,000,000	4,469,439,932
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5,699,400,000	-	17,080,000,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	54,863,299,985	35,929,131,252
Cộng	152,774,300,000	31,124,595,005	250,518,199,985	41,804,780,635

- (i) Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.198.000 cổ phần tương đương 93,63% vốn điều lệ thực góp với giá khởi điểm là 9.800 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần thương mại Xăng dầu Việt Nam.
- (ii) Ngày 13 tháng 03 năm 2020, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.980.000 cổ phần tương 99% vốn điều lệ thực góp, giá khởi điểm căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá và được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam.
- (iii) Ngày 04 tháng 08 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty CP dịch vụ số liệu Toàn Cầu (GDS) đã ban hành Nghị quyết số 28/HĐQT-GDS20 và tờ trình kèm theo về việc hoàn trả một phần vốn góp hiện có (tỷ lệ hoàn trả là 66.63%). Số vốn hoàn trả cho từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty tại ngày Nghị quyết được thông qua. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã nhận được tiền hoàn trả một phần vốn góp tại GDS.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	49,148,780,635	86,649,020,878
Trích lập dự phòng bổ sung	26,655,155,073	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(12,323,864,594)
Sử dụng dự phòng	(37,335,340,703)	(25,176,375,649)
Số cuối kỳ	38,468,595,005	49,148,780,635

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	368,830,093,466	340,234,806,699
Phải thu về tái bảo hiểm	170,867,769,920	268,081,519,036
Cộng	539,697,863,386	608,316,325,735

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	107,207,718,750	69,265,768,884
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	836,751,977	1,030,789,360
Trả trước cho nhà cung cấp khác	179,208,254,292	15,822,854,411
Cộng	287,252,725,019	86,119,412,655

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	219,803,745,458	205,708,692,454
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Tạm ứng hoa hồng đại lý	22,312,932,836	18,000,000,000
Các khoản phải thu khác	30,202,852,780	36,893,226,564
Tạm ứng kinh doanh	13,601,079,747	13,179,655,700
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,541,684,562	1,454,728,872
Cộng	298,076,477,137	280,850,485,344

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	81,773,714,838	45,212,129,971
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	336,651,842	754,492,530
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	854,212,224	1,033,166,692
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1,105,668,560	1,319,264,949
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	79,477,182,212	42,105,205,800
Cộng	81,773,714,838	45,212,129,971

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	45,212,129,971	58,076,666,808
Trích lập dự phòng bổ sung	37,039,384,209	-
Sử dụng dự phòng	-	(11,146,059,438)
Hoàn nhập dự phòng	(477,799,342)	(1,718,477,399)
Số cuối kỳ	81,773,714,838	45,212,129,971

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1,470,610,329	4,166,119,926
Công cụ, dụng cụ	554,891,390	446,455,942
Hàng hóa bất động sản	-	10,062,867,241
Cộng	2,025,501,719	14,675,443,109

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	404,685,384,015	392,345,860,078
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ (**)	184,363,217,865	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46,000,000	200,215,600
Cộng	589,094,601,880	392,546,075,678

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	392,345,860,078	233,777,609,509
Số phát sinh trong kỳ	681,869,478,508	672,596,802,275
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(669,529,954,571)	(514,028,551,706)
Số dư cuối kỳ	404,685,384,015	392,345,860,078

(**) Chi phí kinh doanh phát sinh từ nghiệp vụ Bảo hiểm bảo an tín dụng chưa phân bổ trong năm. Chi phí kinh doanh này được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của nghiệp vụ bảo hiểm này.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	4,302,645,026	6,219,685,369
Chi phí thuê nhà	4,856,862,306	4,293,023,339
Chi phí phát triển đại lý	294,392,219	397,927,853
Các khoản chi phí khác	29,696,771,115	21,372,518,480
Cộng	39,150,670,666	32,283,155,041

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa	2,746,480	801,988
Thuế TNDN nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	564,620,872	384,274,774
Thuế khác	11,803,303	78,098,403
Cộng	579,170,655	463,175,165

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15,536,736,730	237,270,000	109,488,174,407	35,086,773,956	160,348,955,093
Mua sắm mới	6,458,842,680	109,000,000	12,237,037,182	5,494,348,455	24,299,228,317
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4,035,281,732)	-	(4,035,281,732)
Số cuối kỳ	21,995,579,410	346,270,000	117,689,929,857	40,581,122,411	180,612,901,678
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3,392,080,474	123,126,540	62,445,236,572	23,510,446,333	89,470,889,919
Khấu hao trong kỳ	630,205,625	175,263,484	7,549,963,652	4,378,736,960	12,734,169,721
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2,435,515,394)	-	(2,435,515,394)
Số cuối kỳ	4,022,286,099	298,390,024	67,559,684,830	27,889,183,293	99,769,544,246
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12,144,656,256	114,143,460	47,042,937,835	11,576,327,623	70,878,065,174
Số cuối kỳ	17,973,293,311	47,879,976	50,130,245,027	12,691,939,118	80,843,357,432

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5,096,806,800	13,413,785,686	18,510,592,486
Mua trong kỳ	6,380,470,000	2,451,000,000	8,831,470,000
Số cuối kỳ	11,477,276,800	15,864,785,686	27,342,062,486
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10,185,957,358	10,185,957,358
Khấu hao trong kỳ	-	2,360,004,872	2,360,004,872
Số cuối kỳ	-	12,545,962,230	12,545,962,230
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5,096,806,800	3,227,828,328	8,324,635,128
Số cuối kỳ	11,477,276,800	3,318,823,456	14,796,100,256

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	145,709,389,296	145,709,389,296
Mua trong năm	-	-	-
Giảm do thanh lý nhượng bán		(24,606,063,108)	(24,606,063,108)
Số cuối năm	-	121,103,326,188	121,103,326,188
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	11,440,137,859	11,440,137,859
Khấu hao trong năm	-	3,536,620,030	3,536,620,030
Giảm do thanh lý nhượng bán		(804,352,801)	(804,352,801)
Số cuối năm	-	14,172,405,088	14,172,405,088
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	134,269,251,437	134,269,251,437
Số cuối năm	-	106,930,921,100	106,930,921,100

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	10,764,479,835	32,065,178,020	26,539,735,526	16,289,922,329
Chi phí khác	191,979,563	201,971,545	393,951,108	-
Cộng	10,956,459,398	32,267,149,565	26,933,686,634	16,289,922,329

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	165,715,258,508	144,799,167,468
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	261,173,065,427	338,244,791,629
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	14,254,003,451	17,528,041,475
Phải trả cho nhà cung cấp khác	30,022,095,739	26,284,362,663
Cộng	471,164,423,125	526,856,363,235

15. Người mua trả tiền trước

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	28,432,921,816	24,857,032,783
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24,577,924,483	13,148,830,932
Thuế thu nhập cá nhân	11,060,885,933	11,531,469,779
Các loại thuế khác	237,595,086	294,315,155
Cộng	64,309,327,318	49,831,648,649

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%,

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%,

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	301,131,707,459	133,611,623,633
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(8,484,565,268)	(17,323,001,280)
Chi phí không được trừ	10,294,724,672	2,496,010,282
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(18,779,289,940)	(19,701,642,838)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(117,368,724)
Thu nhập chịu thuế	292,647,142,191	116,288,622,353
Thu nhập tính thuế	292,647,142,191	116,288,622,353
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	58,529,428,438	23,257,724,471
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	58,529,428,438	23,257,724,471
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	58,529,428,438	23,257,724,471

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định,

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	395,317,365	580,138,788
Kinh phí công đoàn	5,462,920,349	4,725,341,220
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20,735,736	855,136,400
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10,770,706,203	9,657,149,161
Thuế nhà thầu tạm giữ	2,905,112,751	2,474,729,464
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	18,269,196,554	18,181,965,051
Thu phí bảo hiểm chưa đối chiếu	29,362,745,778	19,528,905,584
Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	6,663,249,226
Các khoản phải trả khác	37,514,503,299	33,602,658,618
Cộng	104,701,238,035	96,269,273,512

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a, Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1, Dự phòng bồi thường	1,198,997,273,937	521,101,071,795	677,896,202,142	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,082,042,059,962	483,962,717,471	598,079,342,491	1,018,867,697,213	519,422,155,045	499,445,542,168
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	116,955,213,976	37,138,354,324	79,816,859,651	142,975,239,500	90,224,122,258	52,751,117,242
2, Dự phòng phí chưa được hưởng	3,126,000,519,298	894,506,709,760	2,231,493,809,538	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302
Cộng	4,324,997,793,235	1,415,607,781,555	2,909,390,011,680	4,322,103,913,712	1,983,394,861,000	2,338,709,052,712
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410	896,915,750,913	347,425,959,496	549,489,791,417
Số trích lập trong kỳ	37,154,337,224	(88,545,205,508)	125,699,542,732	264,927,185,800	262,220,317,807	2,706,867,993
Số dư cuối năm	1,198,997,273,937	521,101,071,795	677,896,202,142	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302	2,144,592,205,609	732,477,619,828	1,412,114,585,781
Số trích lập trong kỳ	(34,260,457,701)	(479,241,873,937)	444,981,416,236	1,015,668,771,390	641,270,963,869	374,397,807,521
Số dư cuối kỳ	3,126,000,519,298	894,506,709,760	2,231,493,809,538	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18b, Dự phòng giao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	103,775,184,431	98,160,886,772
Số trích lập thêm trong kỳ	44,017,489,727	35,614,297,659
Số sử dụng trong kỳ	(105,291,442,343)	(30,000,000,000)
Số dư cuối kỳ	<u>42,501,231,815</u>	<u>103,775,184,431</u>

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý dự trừ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,230,714,262	49,884,763,553	100,278,946,316	1,804,294,566,935
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	110,353,899,162	110,353,899,162
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	183,476,595	5,517,694,958	(5,701,171,553)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(64,316,567,200)	(64,316,567,200)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(183,476,595)	(183,476,595)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(917,382,977)	(917,382,977)
Trích thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(366,953,190)	(366,953,190)
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,414,190,857	55,402,458,511	139,147,293,963	1,848,864,086,135
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	22,414,190,857	55,402,458,511	139,147,293,963	1,848,864,086,135
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	242,602,279,021	242,602,279,021
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	1,103,538,992	-	(5,517,694,959)	(4,414,155,967)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	(80,395,709,000)	(80,395,709,000)
Chi thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	803,957,090,000	827,943,052,804	23,517,729,849	55,402,458,511	295,836,169,025	2,006,656,500,189

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	182,256,480,000	182,256,480,000
Vốn góp của các cổ đông	621,700,610,000	621,700,610,000
Thặng dư vốn cổ phần	827,943,052,804	827,943,052,804
Cộng	1,631,900,142,804	1,631,900,142,804

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80,400,000	80,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80,395,709	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>80,395,709</u>	<u>80,395,709</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	6,046,523,998,328	5,761,493,369,249
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(87,887,710,613)	(68,767,023,859)
Phí nhận tái bảo hiểm	91,290,972,332	120,682,832,690
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(4,980,734,001)	(11,761,857,367)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	34,260,457,701	(1,015,668,871,390)
Doanh thu thuần	<u>6,079,206,983,747</u>	<u>4,785,978,449,323</u>

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	138,371,189,798	83,506,601,921
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	173,094,414	676,893,447
Lãi kinh doanh chứng khoán	25,891,914,616	36,880,265,727
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18,779,289,940	19,701,642,838
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,996,595,390	4,437,667,530
Lãi đầu tư dài hạn	2,563,768,921	43,503,248,825
Các khoản khác	20,146,569	1,586,994
Cộng	<u>188,795,999,647</u>	<u>188,707,907,282</u>

3. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	7,012,210,476	8,233,306,808
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4,708,505,328	3,593,641,538
Lỗ kinh doanh chứng khoán	133,651,841,299	48,672,124,529
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(148,186,672,698)	48,806,701,690
Chi phí khác	18,346,783,555	22,319,275,856
Cộng	<u>15,532,667,960</u>	<u>131,625,050,421</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	214,548,288,205	302,544,993,898
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19,905,929,706	23,030,613,138
Chi phí dụng cụ quản lý	9,561,554,784	10,459,874,443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14,997,728,427	15,294,204,281
Thuế, phí và lệ phí	28,918,123,802	25,299,920,908
Chi phí dự phòng	37,261,480,158	-1,718,477,399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96,266,416,399	94,204,519,682
Chi phí khác bằng tiền	162,917,456,684	146,932,016,431
Cộng	<u>584,376,978,164</u>	<u>616,047,665,382</u>

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất,

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Tiến

Cao Thu Hiền

Bùi Xuân Thu